

Số: 800 /BC-STP

Hung Yên, ngày 21 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Sở Tài chính

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 993/STC-GCS&DN ngày 19/6/2024 của Sở Tài chính (*Cơ quan soạn thảo*) về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gửi kèm các dự thảo: Tờ trình; Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên (*dự thảo Nghị quyết*); Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên (*dự thảo Quy định*), dự thảo Nghị quyết và dự thảo Quy định gọi chung là dự thảo Văn bản; bản tổng hợp và giải trình tiếp thu ý kiến và các bản sao ý kiến tham gia.

Trên cơ sở nghiên cứu Hồ sơ đề nghị thẩm định, căn cứ các quy định của pháp luật về xây dựng và thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp (*Cơ quan thẩm định*) có ý kiến thẩm định đối với dự thảo văn bản như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Tại điểm d khoản 1 Điều 1 dự thảo Quy định: đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa lại nội dung của điểm này cho thống nhất với tên gọi và nội dung của Chương V dự thảo Quy định.

2. Tại khoản 2 dự thảo Quy định: đề nghị Cơ quan soạn thảo bố cục lại nội dung của khoản này vì trong nội dung của khoản này có 2 nội dung điểm a và điểm b1 đều quy định là “*Tài sản công*”.

3. Tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Quy định: đề nghị bỏ cụm từ “(*sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL ngày 18 tháng 6 năm 2020*)” sau cụm từ “*khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015*” vì khoản 3 Điều 156 này không bị Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH

HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo Văn bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Văn bản với hệ thống pháp luật

a) Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung của dự thảo Quy định để không dùng dấu ngoặc đơn đối với tất cả các trường hợp loại trừ khi quy định nội dung của dự thảo, ví dụ như: điểm a, a3, b, c, d khoản 1, khoản 4 Điều 3, khoản 4 Điều 6, khoản 3 Điều 7...

b) Tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo Quy định: đề nghị Cơ quan soạn thảo không dùng dấu ngoặc đơn đối với trường hợp loại trừ và sửa lại cụm từ *“trừ trường hợp mua sắm tài sản công phải lập thành dự án đầu tư”* thành *“trừ trường hợp mua sắm quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công”* cho rõ ràng, cụ thể.

c) Tại khoản 3 và khoản 4 Điều 6 dự thảo Quy định: đề nghị Cơ quan soạn thảo không quy định nội dung *“báo cáo kết quả cho Sở Tài chính”* trong dự thảo văn bản vì việc báo cáo tài sản công trong các trường hợp đã được Chính phủ quy định cụ thể, áp dụng được ngay tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP.

d) Tại khoản 3 Điều 7 dự thảo Quy định: đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung trường hợp loại trừ điểm a, b khoản 2 Điều 7 dự thảo Quy định về bán tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Tại điểm a khoản 3 Điều 8 dự thảo Quy định: đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét lại việc quy định đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công của Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I bị trùng với đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là không phù hợp.

e) Tại Điều 13 và Điều 14 dự thảo Quy định: đề nghị Cơ quan soạn thảo không tham mưu quy định phân cấp thẩm quyền quyết định và thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vì theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sử hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã

được Chính phủ phân cấp. Do vậy, nội dung này Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ phân cấp cho đối tượng khác trừ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

III. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Đối với Dự thảo Nghị quyết

a) Tại căn cứ thứ nhất và thứ 2 (*tính từ trên xuống*): đề nghị Cơ quan soạn thảo không trình bày nhiều căn cứ trên một dòng, mà trình bày ***sau mỗi căn cứ phải xuống dòng***, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;) cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Tại căn cứ thứ 4 và thứ 7 (*tính từ trên xuống*): đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa lại ngày của các căn cứ từ “***ngày 26 tháng 6 năm 2023***” thành “***ngày 23 tháng 6 năm 2023***” và từ “***ngày 14 tháng 5 năm 2017***” thành “***ngày 16 tháng 11 năm 2017***” cho đúng ngày ban hành văn bản.

c) Tại Điều 3: đề nghị Cơ quan soạn thảo quy định hiệu lực của văn bản là ngày cụ thể và không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký hoặc thông qua cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và khoản 1 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

d) Tại phần nơi nhận: đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “(*Vụ pháp chế*)” sau cụm từ “*Bộ Tài chính*”; sửa các nơi nhận: từ “*Cục kiểm tra văn bản*” thành “*Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật*”; sửa “*Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp)*” thành “*Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật)*”; sửa “*TT Tin học - Công báo tỉnh*” thành “*Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh*”; sửa: “*TTHĐND và UBND các huyện, thành phố*” thành “*Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố*” cho đúng.

2. Đối với dự thảo Quy định

a) Tại tên gọi của dự thảo Quy định: đề nghị Cơ quan soạn thảo đổi kiểu chữ từ **in hoa, đứng, đậm** sang **in thường, đứng, đậm** cho phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 60 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Tại phần chú thích của dự thảo Quy định đề nghị Cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “*ban hành*” trước cụm từ “*kèm theo*” cho phù hợp với Mẫu số 17 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL

b) Tại tên của Điều 11: đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung từ “*duyet*” sau từ “*phê*” và sửa lại thành: “*Thẩm quyền phê duyệt điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước*” cho đúng.

c) Tại Điều 16: đề nghị Cơ quan soạn thảo bỏ một từ “*định*” sau cụm từ “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định*” vì thừa.

d) Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung của dự thảo văn bản, không viết hoa các từ **khoản**, **điểm** khi viện dẫn đến khoản, điểm của các điều cho phù hợp với quy định tại khoản 6 Mục V Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

đ) Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung của dự thảo văn bản để không viết tắt các cụm từ trong văn bản mà chưa được quy ước, đồng thời đề nghị Cơ quan soạn thảo không sử dụng các ký hiệu đặc biệt như: a1, a2, a3, b1, b2, b3... trong nội dung dự thảo là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

e) Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát kỹ toàn bộ dự thảo văn bản để chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật hoặc lỗi đánh máy... (nếu có), tránh sai sót khi văn bản đã được ban hành.

IV. VỀ ĐIỀU KIỆN TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Dự thảo Nghị quyết cơ bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

2. Đề nghị Cơ quan soạn thảo gửi báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh sửa (*có ký nháy từng trang của đơn vị trình*) đến Sở Tư pháp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, VBQPPLTh.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thế Tiệm